

số: 4486/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2869/2022/HNST ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Bạch Thị Thu T, sinh năm 1992

Thường trú: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Số 145/11/2 đường H, khu phố B, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Thường trú: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: Số 145/11/2 đường H, khu phố B, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63, ngày 09/08/2017 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước cấp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/12/2022 bà Bạch

Thị Thu T và ông Nguyễn Văn T đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bạch Thị Thu T và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 31/12/2016.

Bà Bạch Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 31/12/2016, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng).

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T xác định không có.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Bạch Thị Thu T và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 31/12/2016.

Bà Bạch Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 31/12/2016, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng).

Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 12/2022 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi Bà Bạch Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Nguyễn Văn T chưa thi hành, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Văn T và Bà Bạch Thị Thu T tự nguyện chịu, nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006815 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Ông Nguyễn Văn T và bà Bạch Thị Thu T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt